TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:04/2023/KDTM-PT
Ngày: 26-12-2023
V/v: "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lại Văn Tùng

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Thu

Ông Nguyễn Tiến Dũng

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Lan Anh- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Trần Trọng Dần - Kiểm sát viên.

Ngày 26tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2023/TLPT-KDTM ngày 09 tháng 10 năm 2023 về "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2023/KDTM-ST ngày 08 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 67/2023/QĐXX-PT ngày 03 tháng 11năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*Ngân hàng thương mại cổ phần Q; Địa chỉ: Tầng 1 (tầng trệt) và tầng 2 Tòa nhà S, số 111A đường P, phường B, quận 1, thành phố M;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V, chức vụ: Tổng Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Hoàng H, chức vụ: Giám đốc Trung tâm Quản lý nợ Khách hàng doanh nghiệp (Theo Giấy ủy quyền số 003833.22 ngày 21-01-2022 của Tổng Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần Q;

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Hoàng Tiến H, ông Nguyễn Đức V, chức vụ: Chuyên viên thu hồi nợ khách hàng doanh nghiệp miền Bắc (theo Giấy ủy quyền số 108936.22 ngày 05-10-2022 của Giám đốc Trung tâm Quản lý nợ Khách hàng doanh nghiệp.

- *Bị đơn:*Công ty cổ phần T; địa chỉ trụ sở: Số 20 đường Đ, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định; người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Văn Th, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị (đã chết); người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần T bao gồm các thành viên sáng lập còn lại như sau:

1. Công ty cổ phần T1; địa chỉ trụ sở chính: Tầng 1 và tầng 20 Tòa nhà T1, lô HH2-2 đường P, phường M, quận L, thành phố N, Việt Nam. Người đại diện theo pháp luật: ông Hồ Việt H, chức vụ: Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: ông Vũ Khánh D, chức vụ: Phó phòng pháp chế. Căn cước công dân số 03608214188. Theo văn bản ủy quyền ngày 15-5-2023;

2. Ông Lưu Trọng H, sinh năm 1977; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xóm 12A, xã B, huyện H, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: B10-11 Chung cư A, đường số 5 tổ 52 khu phố 6 phường 17 quận G, thành phố M;

3. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1978; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xã T, huyện H, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Tổ dân phố số 3 thị trấn L, huyện H, tỉnh Nam Định. Căn cước công dân số 036078019561;

4. Ông Lê Văn Ph, sinh năm 1979; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Th, xã H, huyện Tr, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: số 132 Đường T, phường L, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định. Căn cước công dân số 036079009061;

5. Ông Hoàng Văn Th, sinh năm 1982; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã T, huyện B, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: xóm T, xã T, huyện B, tỉnh Nam Định;

6. Ông Phạm Văn Q, sinh năm 1979; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 2/49 ngõ 166 phường C, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: 2A Đường G, phường V, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định. Căn cước công dân số 036079022838;

7. Bà Trần Thị H, sinh năm 1963; nơi đăng ký thường trú: Số 25 xóm 1, M, phường X, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: số 35 đường X, phường X, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định;

8. Ông Đinh Mai H, sinh năm 1981; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Số 194 Đường Th, phường D, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định. Căn cước công dân số 036081009329;

9. Ông Phạm Trọng Ph, sinh năm 1962; Nơi đăng ký thường trú: xóm 15 xã Tr, huyện H, tỉnh Nam Định;

10. Ông Lê Anh K, sinh năm 1981; Nơi đăng ký thường trú: Phường K, Quận Đ, Thành phố T (nay là thành phố N); nơi cư trú: số 195 tổ 7 phường K, quận Đ, thành phố N;

11. Ông Bùi Văn Anh T, sinh năm 1974; nơi đăng ký thường trú: xã Y, huyện Ch, Thành phố T (nay là thành phố N); Nơi cư trú: Tổ 9 phường D, thành phố B, tỉnh B;

12. Ông Đinh Tất L, sinh năm 1963; nơi đăng ký thường trú: Số B3T1 tập thể Công ty C, phường Th, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: 58/608 đường L, phường Th, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định;

13. Ông Phan Tiến H, sinh năm 1979; nơi đăng ký thường trú: Số 127/51 đường N, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định; Nơi cư trú: số 318 Đường P, phường X, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định. Căn cước công dân số 036079026957;

14. Bà Bùi Thị L, sinh năm 1985; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Đội 8, Xã Đ, huyện Q, tỉnh N;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Phạm Thị Th, sinh năm 1954; nơi đăng ký thường trú: Số B3P10 tập thể Công ty C, phường Th, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định. Nơi cư trú: số 17/8/658 L, phường Th, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định. Căn cước công dân số: 03615400221;

2. Ông Lê Duy Th1, sinh năm 1981; nơi đăng ký thường trú: Tổ 2 Cụm S, phường Nh, quận X, thành phố N. Căn cước công dân số: 036081010467;

3. Ông Đinh Tất L, sinh năm 1963; Căn cước công dân số: 037063009539 và bà Nguyễn Thị Huệ, sinh năm 1962; Số CMND 161800401 nơi đăng ký thường trú: Số B3T1 tập thể Công ty C, phường Th, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: 58/608 L, phường Th, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định;

4. Ông Hoàng Minh Ch, sinh năm 1949; Căn cước công dân số 037063009539) và bà Ngô Thị H, sinh năm 1954; Căn cước công dân số:

001154009258; nơi đăng ký thường trú: Số nhà 21/269 đường L, tổ 1, phường Đ, quận G, thành phố N;

5. Ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1952 (căn cước công dân số 035052006594) và bà Nguyễn Thị Th2, sinh năm 1958; nơi đăng ký thường trú: Số 3^{E} khu L1, đường V, phường X, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định. Căn cước công dân số 036158021629.

Người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Văn phòng luật sư N1; Địa chỉ: Tầng 22 Tòa nhà W số 48 Đường H, phường T, quận L, thành phố N; (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 14 tháng 12 năm 2022);

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Trương Hải Ng, Chuyên viên thuộc Văn phòng luật sư N1(Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 25 tháng 10 năm 2023 và ngày 01-11-2023);Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Phạm Thanh S, luật sư Văn phòng luật sư N1.

- *Người kháng cáo:*Ông Hoàng Minh Ch và bà Ngô Thị H; Ông Lê Duy Th1; Ông Nguyễn Văn Tr và bà Nguyễn Thị Th2; ông Đinh Tất L và bà Nguyễn Thị Huệ; bà Phạm Thị Thlà người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quantrong vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Có mặt ông Hoàng Tiến H, ông Nguyễn Trương Hải Ng, ông Phạm Thanh S, bà Phạm Thị Th, Ông Lê Duy Th1, ông Đinh Tất L, bà Nguyễn Thị Huệ, bà Ngô Thị H, Ông Nguyễn Văn Tr, bà Nguyễn Thị Th2. Vắng mặt Ông Vũ Khánh D, ông Lưu Trọng H, ông Nguyễn Văn T, ông Lê Văn Ph, ông Hoàng Văn Th, ông Phạm Văn Q, bà Trần Thị H, ông Đinh Mai H, ông Phạm Trọng Ph, ông Lê Anh K, ông Bùi Văn Anh T, ông Phan Tiến H, Bà Bùi Thị L, ông Nguyễn Đức V, Ông Hoàng Minh Ch.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 05-10-2022, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần Q là ông Hoàng Tiến H trình bày:

Công ty cổ phần T vay vốn hạn mức tại Ngân hàng thương mại cổ phần Q – Chi nhánh N theo Hợp đồng tín dụng số 10.11.11.211 ngày 03-11-2011 với tổng hạn mức tín dụng là 12.000.000.000 đồng (*mười hai tỷ đồng*), trong đó hạn mức tín dụng ngắn hạn là: 10.000.000.000 đồng (*mười tỷ đồng*). Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh xây dựng. Thời hạn hiệu lực của Hợp đồng hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng tín dụng. Thời hạn vay vốn: Theo thời hạn của từng khế ước nhận nợ, thời hạn mỗi khế ước nhận nợ tối đa 06 tháng.

Về lãi suất vay: Áp dụng lãi suất thả nổi, xác định tại từng thời điểm giải ngân theo từng khế ước nhận nợ bằng lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh kỳ hạn tương ứng với kỳ hạn điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng thương mại cổ phần Q cộng với biên độ theo quy định của Ngân hàng thương mại cổ phần Q tại từng thời điểm. Kỳ điều chỉnh lãi suất trên từng khế ước nhận nợ hoặc cách thức xác định lãi suất cho vay phải tuân thủ và chịu sự điều chỉnh theo đúng chính sách của Ngân hàng thương mại cổ phần Q tại từng thời kỳ.

Thời hạn trả nợ gốc: Cuối kỳ theo từng khế ước nhận nợ.

Thời hạn trả nợ lãi: Từ ngày 20 đến 25 hàng tháng, nếu quá ngày 25 hàng tháng bên vay không trả hết số nợ lãi thì Ngân hàng thương mại cổ phần Q sẽ chuyển toàn bộ gốc là lãi của Hợp đồng này sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại từng thời điểm quá hạn của từng khế ước.

Để bảo đảm việc thực hiện các nghĩa vụ trả nợ phát sinh từ các Hợp đồng tín dụng trên Công ty cổ phần T có sử dụng tài sản bảo đảm gồm:

Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc thửa đất số 52, tờ bản đồ số 23.3 tại địa chỉ xóm 1, M, xã X, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 084507 do UBND thành phố Nam Định cấp ngày 25-07-2007 cho bà Phạm Thị Th.

Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc thửa đất số 27, tờ bản đồ số 1 – II tại địa chỉ xã T, huyện B, tỉnh Nam Định theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 280834 do UBND huyện B, tỉnh Nam Định cấp ngày 30-03-2006 cho Ông Lê Duy Th1.

Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc thửa đất số 247, tờ bản đồ số 23.1 tại địa chỉ xóm 1, M, xã X, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 819569 do UBND Thành phố Nam Định cấp ngày 24-09-2007 cho ông Đinh Tất L và vợ là bà Nguyễn Thị Huệ.

Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc thửa đất số 07(2), tờ bản đồ số 04 tại địa chỉ Số 29 ngõ 1 tổ 2, phường Đ, quận G, thành phố N theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10113010482, hồ sơ gốc số 4905.2000.QĐUB/19197.2000 do UBND thành phố N cấp ngày 21-09-2000 cho Ông Hoàng Minh Ch và bà Ngô Thị H.

Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc thửa đất số 397, tờ bản đồ số 12 tại địa chỉ Miền Lê Hồng Phong, phường X, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn

liền với đất số BD 631348 do UBND thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định cấp ngày 29-10-2010 cho Ông Nguyễn Văn Tr và bà Nguyễn Thị Th2.

Các hợp đồng thế chấp các tài sản bảo đảm nêu trên đã được các bên ký kết đều được công chứng, tài sản thế chấp đều đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo qui định của pháp luật.

Sau khi ký kết Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng thương mại cổ phần Q Chi nhánh N đã thực hiện việc giải ngân cho Công ty cổ phần T vay theo 07 Khế ước nhận nợ cụ thể như sau:

Theo Khế ước nhận nợ số 10.11.11.211.01 ngày 08-11-2011 số tiền vay 1.494.000.000 đồng thời hạn vay 06 tháng. Lãi suất vay: 23%/ năm. Áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 1 tháng/ lần, bằng lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh VND kỳ hạn 1 tháng của VIB + 4%/ năm và chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của Ngân hàng thương mại cổ phần Q tại mỗi thời kỳ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Theo Khế ước nhận nợ số 10.11.11.211.02 ngày 11-11-2011, số tiền vay 830.040.000 đồng thời hạn vay 06 tháng. Lãi suất vay: 22%/ năm. Áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 1 tháng/ lần, bằng lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh VND kỳ hạn 1 tháng của VIB + 3%/ năm và chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của Ngân hàng thương mại cổ phần Q tại mỗi thời kỳ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Theo Khế ước nhận nợ số 10.11.11.211.03 ngày 18-11-2011, số tiền vay 550.000.000 đồng thời hạn vay 06 tháng. Lãi suất vay: 22%/ năm. Áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 1 tháng/ lần, bằng lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh VND kỳ hạn 1 tháng của VIB + 3%/ năm và chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của Ngân hàng thương mại cổ phần Q tại mỗi thời kỳ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Theo Khế ước nhận nợ số 10.11.11.211.04 ngày 29-11-2011, số tiền vay 409.000.000 đồng thời hạn vay 06 tháng. Lãi suất vay: 22%/ năm. Áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 1 tháng/ lần, bằng lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh VND kỳ hạn 1 tháng của VIB + 3%/ năm và chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của Ngân hàng thương mại cổ phần Q tại mỗi thời kỳ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Theo Khế ước nhận nợ số 10.11.11.211.05 ngày 08-12-2011, số tiền vay 133.000.000 đồng thời hạn vay 06 tháng. Lãi suất vay: 22,5%/ năm. Áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 1 tháng/ lần, bằng lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh

VND kỳ hạn 1 tháng của VIB + 3,5%/ năm và chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của Ngân hàng thương mại cổ phần Q tại mỗi thời kỳ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Theo Khế ước nhận nợ số 10.11.11.211.06 ngày 16-01-2012, số tiền vay 1.000.000.000 đồng thời hạn vay 06 tháng. Lãi suất vay: 22%/ năm. Áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 1 tháng/ lần, bằng lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh VND kỳ hạn 1 tháng của VIB + 3,5%/ năm và chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của Ngân hàng thương mại cổ phần Q tại mỗi thời kỳ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Theo Khế ước nhận nợ số 10.11.11.211.06 ngày 18-01-2012, số tiền vay 2.979.625.992 đồng thời hạn vay 06 tháng. Lãi suất vay: 22%/ năm. Áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 1 tháng/ lần, bằng lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh VND kỳ hạn 1 tháng của Ngân hàng thương mại cổ phần Q + 3,5%/ năm và chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của Ngân hàng thương mại cổ phần Q tại mỗi thời kỳ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Tổng số tiền Ngân hàng thương mại cổ phần Q đã giải ngân cho Công ty cổ phần T là 7.395.665.992 qua hình thức ủy nhiệm chi. Quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ, tổng số tiền lãi mà Công ty cổ phần T đã trả được là 343.280.114 đồng. Về dư nợ gốc, Công ty cổ phần T đã trả được nợ gốc là 773.973.315 đồng ngày 21-6-2012 và 412.482.497 đồng ngày 21-11-2012 đối với khoản vay 1.494.000.000 đồng theo Khế ước nhận nợ số 10.11.11.211.01 ngày 08-11-2011. Việc vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã dẫn đến khoản vay của Công ty cổ phần T bị chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 08-03-2012.

Sau khi khoản vay bị chuyển nợ quá hạn, Ngân hàng thương mại cổ phần Q đã nhiều lần làm việc và tạo điều kiện cho Công ty cổ phần T thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng đến nay Công ty cổ phần T vẫn không trả được nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q. Do Công ty cổ phần T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 03-10-2013, Tổng giám đốc - Ngân hàng thương mại cổ phần Q đã ra Quyết định số 6453/2013/QĐ-VIB về việc thu hồi toàn bộ khoản nợ, thu giữ toàn bộ tài sản bảo đảm cho khoản vay của Công ty cổ phần T để xử lý thu hồi nợ. Ngày 12-3-2014 Ngân hàng thương mại cổ phần Q đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố Nam Định nhưng do ông Hoàng Văn Th đã chết, Công ty cổ phần T chưa có người đại diện theo pháp luật thay thế nên ngày 26-6-2015 Tòa án nhân dân thành phố Nam Định đã ra quyết định đình chỉ vụ án.

Ngày 08-06-2018 Ngân hàng thương mại cổ phần Q đã ra thông báo số 40978.18 cho Công ty cổ phần T và các bên thế chấp biết về việc xử lý tài sản bảo

đảm nếu Công ty cổ phần T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, bàn giao tài sản. Ngày 20-4-2020Ngân hàng thương mại cổ phần Q tiếp tục thông báo cho Công ty cổ phần T và những người liên quan về việc thu hồi nợ và thủ tục khởi kiện nhưng Công ty cổ phần T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q.

Quan điểm của người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần Q yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty cổ phần T phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q toàn bộ khoản nợ với tổng số tiền tính đến ngày 08-8-2023 là 25.465.983.353 đồng (*hai mươi lăm tỷ bốn trăm sáu mươi lăm triệu chín trăm tám mươi ba nghìn ba trăm lăm mươi ba đồng*), trong đó bao gồm: Nợ gốc là 6.209.210.180 đồng, nợ lãi trong hạn là: 423.043.661 đồng, nợ lãi quá hạn là: 18.833.729.512 đồng và tiếp tục trả lãi cho đến khi Công ty cổ phần T thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất quá hạn đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng.

Trường hợp Công ty cổ phần T không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ, đề nghị Tòa án tuyên Ngân hàng thương mại cổ phần Q được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mại toàn bộ tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ vay.

Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ, đề nghị Tòa án tuyên Công ty cổ phần T phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Nam Định đã thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ bị đơn là Công ty cổ phần T và những cổ công sáng lập là người đại diện theo pháp luật đến Tòa án để tham gia tố tụng. Tòa án đã tiến hành thủ tục thu thập chứng cứ tại Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh. Kết quả trả lời bằng công văn số 123/CCTT-ĐKKD ngày 15-12-2022 của Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Nam Định xác nhận: *"Công ty cổ phần Tcó trụ sở chính tại số 20 đường Đ, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định; người đại diện theo pháp luật là ông Hoàng Văn Th, chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Hiện tại trên Hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp Quốc gia thì Công ty cổ phần T trong trạng thái cảnh báo vi phạm (không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký theo văn bản của cơ quan thuế".* Theo kết quả xác minh tại Ủy bthôn A dân phường Lộc Hòa ngày 06-6-2023 thì địa chỉ 20 Đ nay đã được đánh lại là số 398 Đ, phường Lộc Hòa. Hiện tại Công ty cổ phần T không còn hoạt động tại địa chỉ 398 Đ, phường Lộc Hòa. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố

tụng và các giấy triệu tập đối với bị đơn theo địa chỉ trụ sở chính đã được Công ty cổ phần T đăng ký tại Giấy phép đăng ký kinh doanh.

Đối với các cổ đông sáng lập của Công ty cổ phần T: Theo danh sách cổ đông sáng lập khi thành lập Công ty cổ phần T vào năm 2005 bao gồm 21 cổ đông sáng lập như sau: Công ty cổ phần Thành Công (được đổi tên thành Công ty T1), ông Hoàng Văn Th, ông Hoàng Văn Dũng, ông Nguyễn Văn T, ông Lê Văn Ph, ông Hoàng Văn Th, ông Phạm Văn Q, bà Trần Thị H, ông Đinh Mai H, ông Bùi Tuấn Phong, ông Phạm Văn Lợi, ông Bùi Văn Anh T, ông Nguyễn Trường Phi, ông Phan Tiến H, Bà Bùi Thị L, ông Lưu Trọng H, ông Phạm Trọng Ph, ông Hoàng Văn Th, ông Lê Anh K, ông Trình Đức Diện, ông Đinh Tuất Lên, bà Phạm Thị Hoa.

Các cổ đông sáng lập gồm có Công ty cổ phần T1, ông Nguyễn Văn T, ông Lê Văn Ph, ông Hoàng Văn Th, ông Phạm Văn Q, bà Trần Thị H, ông Đinh Mai H, ông Bùi Văn Anh T, ông Phan Tiến H, Bà Bùi Thị L trình bày không liên quan gì đến khoản vay của Công ty cổ phần T đối với Ngân hàng Quốc tế và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Các cổ đông sáng lập gồm có ông Lưu Trọng H, ông Phạm Trọng Ph, ông Hoàng Văn Th, ông Lê Anh K mặc dù Tòa án đã tiến hành ủy thác thu thập chứng cứ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Các cổ đông sáng lập gồm có: Ông Hoàng Văn Dũng, ông Nguyễn Trường Phi, ông Bùi Tuấn Phong, bà Phạm Thị Hoa, ông Trịnh Đức Diện, ông Phạm Văn Lợi kết quả xác minh cho thấy không có họ tên và số chứng minh nhân dân của những cổ đông trên tại địa phương.

* Tại bản tự khai ngày 07-02-2023 và trong quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo ủy quyền lại của người quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến tài sản thế chấp gồm Ông Hoàng Minh Ch và bà Ngô Thị H; Ông Lê Duy Th1; Ông Nguyễn Văn Tr và bà Nguyễn Thị Th2; ông Đinh Tất L và bà Nguyễn Thị Huệ; bà Phạm Thị Th là ông Nguyễn Trương Hải Ng trình bày:

Vào ngày 03-11-2011 Công ty cổ phần T vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Q – Chi nhánh N theo Hợp đồng tín dụng số 10.11.11.211 với tổng hạn mức tín dụng là 12.000.000.000 đồng (*mười hai tỷ đồng*), trong đó hạn mức tín dụng ngắn hạn là: 10.000.000.000 đồng (*mười tỷ đồng*); Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh xây dựng. Quá trình cấp tín dụng, giải ngân khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Q cho Công ty cổ phần T thì Công ty cổ phần T có sử dụng các tài sản bảo đảm như đại diện Ngân hàng thương mại

cổ phần Q trình bày là đúng.Tại thời điểm Công ty cổ phần T vay của Ngân hàng thì người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần T là ông Hoàng Văn Th.

Về nguồn gốc các tài sản thế chấp: Các tài sản thế chấp của các ông bà Hoàng Minh Châu và bà Ngô Thị H; Ông Lê Duy Th1; Ông Nguyễn Văn Tr và bà Nguyễn Thị Th2; ông Đinh Tất L và bà Nguyễn Thị Huệ; bà Phạm Thị Th là hoàn toàn hợp pháp và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng với qui định của pháp luật. Hợp đồng thế chấp đã được công chứng, tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng qui định của pháp luật. Về tài sản trên đất: Sau khi thế chấp gia đình Ông Hoàng Minh Ch và bà Ngô Thị H; Ông Nguyễn Văn Tr và bà Nguyễn Thị Th2; ông Đinh Tất L và bà Nguyễn Thị Huệ; bà Phạm Thị Th có sửa chữa một phần và có sự đóng góp của những người con nhưng các ông, bà trên và những người con không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án. Trong trường hợp không thỏa thuận được với nhau thì sẽ yêu cầu giải quyết bằng một vụ án riêng.

Vào các năm 2010 và 2011 thì ông Hoàng Văn Th là chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty cổ phần T đã lấy danh nghĩa Công ty cổ phần T đề nghị mượn tài sản của các ông bà trên trong thời hạn một năm (không có hợp đồng mượn tài sản mà chỉ thỏa thuận miệng) mà không nói rõ cho các ông bà trên biết sẽ dùng các tài sản trên để thế chấp với Ngân hàng thương mại cổ phần Q để đảm bảo cho khoản vay của Công ty cổ phần T. Sau đó, ông Thiết có cầm các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và một thời gian sau thì ông Thiết thông báo cho các ông bà trên đến Phòng công chứng số 1 đường Mạc Thị Bưởi, thành phố Nam Định để ký hồ sơ giấy tờ để thế chấp tài sản bảo đảm cho khoản vay của Công ty cổ phần T. Riêng ông bà Hoàng Minh Châu và bà Ngô Thị H được ký Hợp đồng thế chấp tại Văn phòng công chứng Đống Đa. Các ông bà trên không được hướng dẫn hoặc tư vấn về pháp luật trước khi ký hợp đồng thế chấp. Ông Thiết đã có văn bản thỏa thuận cam kết: Số tiền vay ngân hàng chỉ đưa vào mục đích sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần T. Nếu muốn lấy tài sản ra thì công ty sẽ giải quyết chậm nhất sau 3 tháng. Tuy nhiên sau khi vay tiền thì Công ty cổ phần T đã ngừng hoạt động, ông Thiết đã bỏ trốn. Vào năm 2012, những người có tài sản thế chấp đã làm đơn tố cáo gửi Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nam Định nhưng chưa được giải quyết. Hành vi của ông Hoàng Văn Th có dấu hiệu của tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. tuy nhiên hiện nay ông Thiết đã chết.

Về số tiền gốc và lãi mà Công ty cổ phần T còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần Q như đại diện Ngân hàng thương mại cổ phần Q trình bày thì ông Nguyễn Trương Hải Ng không có ý kiến gì.

Quan điểm của ông Nguyễn Trương Hải Ng: Hiện tại Ngân hàng có đơn khởi kiện yêu cầu Công ty cổ phần T phải trả nợ và yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm ông Nguyễn Trương Hải Ng không nhất trí vì đây là khoản nợ của Công ty cổ phần T nên Công ty cổ phần T phải có nghĩa vụ trả nợ và phải dùng tài sản của Công ty vì theo kết quả tra cứu thì Công ty cổ phần T nhưng chưa giải thể, do đó trách nhiệm trả nợ thuộc pháp nhân là Công ty cổ phần T. Khi nào Công ty cổ phần T không còn khả năng trả được nợ hoặc không trả được nợ thì mới phải xử lý tài sản thế chấp. Trong trường hợp ông Thiết đã chết thì phải có quan điểm của những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Thiết về việc đứng ra trả nợ cho ông Thiết. Về phương án giải quyết tranh chấp: Những người có quyền lợi, liên quan thống nhất hỗ trợ Công ty cổ phần T trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q từ 2.800.000.000 đến 3.000.000.000 đồng, tối đa 3.300.000.000 đồng và đề nghị Ngân hàng tiến hành thủ tục giải chấp, trả lại các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho những người liên quan trên.

* Từ ngày 09 đến ngày 11 tháng 5 năm 2023 Tòa án đã tiến hành việc xem xét, thẩm định tại chỗ đối với các tài sản thế chấp của Công ty cổ phần T cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q. Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ như sau:

Về diện tích đất thửa đất số 07, tờ bản đồ số 04, tại địa chỉ: số 29 ngõ 1 tổ 2 phường Đ, quận G, thành phố N (nay là địa chỉ: số 21 ngõ 269 Lạc Long Quân, tổ 1, phường Đ, quận G, thành phố N) có diện tích đất là 80 m^2.

Về tài sản gắn liền quyền sử dụng đất của thửa đất số 07: Hiện tại trên thửa đất xây dựng nhà khung bê tông 3 tầng, diện tích xây dựng khoảng 58m^2 x3 tầng, 01 tum. Còn lại là diện tích sân và lối đi, từ khi thế chấp đến nay không thay đổi so với hợp đồng thế chấp.

Về diện tích đất thửa đất số 27, tờ bản đồ số 1-II, tại địa chỉ: xã T, huyện B, tỉnh Nam Định có diện tích là 216m^2 đất ở nông thôn.

Về tài sản gắn liền quyền sử dụng đất của thửa đất số 27: Hiện tại trên thửa đất xây dựng 01 nhà gạch 01 tầng, trát vữa được xây dựng từ năm 1985 có diện tích khoảng 90m^2. Từ khi thế chấp đến nay không thay đổi so với hợp đồng thế chấp.

Về diện tích đất của thửa đất số 52, tờ bản đồ số 23.3, tại địa chỉ: xóm 1 M, X, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Địnhcó diện tích đất ở là 102 m^2.

Về tài sản gắn liền quyền sử dụng đất của thửa đất số số 52: Hiện tại khi thế chấp thì trên thửa đất xây dựng 01 nhà bê tông nhà 01 tầng có diện tích 49,2m^2 (có gác xép).

Sau khi thế chấp bà Thanh có xây thêm tầng 2 có diện tích 12,7m^2 và xây 01 gian tiếp giáp có diện tích 39m^2 (bao gồm 02 gian phòng ở, 01 gian bếp và 02 phòng vệ sinh) còn lại là lối đi và lưu không sau nhà. Phần sân phía trước có lợp tôn chống nóng diện tích lợp tôn 23,8m^2.

Về diện tích đất của thửa đất số 247, tờ bản đồ số 23.1, tại địa chỉ: xóm 1 M, X, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định (nay là tổ dân phố số 1 M, phường X)có diện tích đất ở là 102 m^2. Trong đó diện tích được cấp Giấy chứng nhận là 40m^2 (bao gồm diện tích đất qui hoạch được cấp Giấy chứng nhận là 16m^2, diện tích đất không được cấp giấy chứng nhận là 4,2m^2).

Về tài sản gắn liền quyền sử dụng đất của thửa đất số số 247: Hiện tại khi thế chấp thì trên thửa đất xây dựng 01 nhà bê tông nhà 02 tầng và 01 tum. Sau khi thế chấp có cải tạo, sửa chữa như làm dăm ly, ốp trần tầng 1, làm mái tôn của tum.

Về diện tích đất của thửa đất thửa đất số 397, tờ bản đồ số 12, tại địa chỉ: miền Lê Hồng Phong, phường X, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định (nay là địa chỉ: 3^E khu L1, phường X, thành phố Nam Định)có diện tích đất ở là 65,5m^2.

Về tài sản gắn liền quyền sử dụng đất của thửa đất số số 397: Hiện tại khi thế chấp thì trên thửa đất xây dựng 01 nhà bê tông nhà 02 tầng có diện tích 65,5m^2. Sau khi thế chấp có sửa chữa cải tạo lại như tôn nền sân trước và sân sau, lợp tôn sân trước, tôn chống nóng tầng 2, làm lại điện nước.

* Từ nội dung trên,Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 06/2023/KDTM-ST ngày 08 tháng8năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định đã quyết định: Căn cứ vào Điều 121, Điều 122, Điều 318, Điều 320, Điều 323, Điều 342, Điều 343, Điều 344, Điều 388. Điều 391, Điều 402, Điều 405, Điều 471, Điều 474, Điều 715, Điều 721 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điểm a Khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;khoản 1 Điều 30, Điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147,Điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Q (VIB) đối với Công ty cổ phần T.

Buộc Công ty cổ phần T phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q (VIB) các khoản nợ tính đến hết ngày 08-8-2023 như sau:Tiền nợ gốc:6.209.210.180 đồng; Tiền lãi trong hạn là: 423.043.661 đồng; Tiền lãi quá hạn

là 18.833.729.512 đồng;Tổng cộng là 25.465.983.353 đồng (*Hai mươi lăm tỷ bốn trăm sáu mươi lăm triệu chín trăm tám mươi ba nghìn ba trăm lăm mươi ba đồng*).

Kể từ ngày 09-8-2023 Công ty cổ phần T còn phải tiếp tục thanh toán khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% của các mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 10.11.11.211 ngày 03-11-2011 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q (VIB).

Về xử lý tài sản thế chấp:Trường hợp Công ty cổ phần T không thanh toán đầy đủ tất cả các khoản nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q thì Ngân hàng thương mại cổ phần Q có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự phát mại các tài sản sau để thu hồi nợ:

Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc thửa đất số 52, tờ bản đồ số 23.3 tại địa chỉ xóm 1, M, xã X, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định (nay là địa chỉ 17/8/658 L, phường Th, thành phố Nam Định) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 084507 do UBND thành phố Nam Định cấp ngày 25-07-2007 cho bà Phạm Thị Th;

Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc thửa đất số 247, tờ bản đồ số 23.1 tại địa chỉ xóm 1, M, xã X, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định (nay là địa chỉ 58/608 L, phường Th, thành phố Nam Định) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 819569 do UBND thành phố Nam Định cấp ngày 24-09-2007 cho ông Đinh Tất L và vợ là bà Nguyễn Thị Huệ.

Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc thửa đất số 27, tờ bản đồ số 1 – II tại địa chỉ xã T, huyện B, tỉnh Nam Định theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 280834 do UBND huyện B, tỉnh Nam Định cấp ngày 30-03-2006 cho Ông Lê Duy Th1.

Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc thửa đất số 07(2), tờ bản đồ số 04 tại địa chỉ Số 29 ngõ 1 tổ 2, phường Đ, quận G, thành phố N (nay là địa chỉ số 21 ngõ 269 Lạc Long Quân, phường Đ, quận G, thành phố N) theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10113010482, hồ sơ gốc số 4905.2000.QĐUB/19197.2000, do UBND Thành phố N cấp ngày 21-09-2000 cho Ông Hoàng Minh Ch và bà Ngô Thị H.

Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc thửa đất số 397, tờ bản đồ số 12 tại địa chỉ Miền Lê Hồng Phong, phường X, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định (nay là địa chỉ 3E khu L1, phường X, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền

với đất số BD 631348 do UBND thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định cấp ngày 29-10-2010 cho Ông Nguyễn Văn Tr và bà Nguyễn Thị Th2.

Trường hợp sau khi phát mại các tài sản thế chấp mà số tiền thu được không đủ để thanh toán khoản nợ (bao gồm cả gốc và lãi) thì Công ty cổ phần T có nghĩa vụ tiếp tục trả hết số tiền nợ còn thiếu cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q(VIB).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và biện pháp thi hành án của các đương sự.

Ngày 08-9-2023 Ông Lê Duy Th1, vợ chồng Ông Hoàng Minh Ch và bà Ngô Thị H, vợ chồng Ông Nguyễn Văn Tr và bà Nguyễn Thị Th2, vợ chồng ông Đinh Tất L và bà Nguyễn Thị Huệ, bà Phạm Thị Th đều kháng cáo cùng một nội dung, lý do của việc kháng cáo là do các ông, bà nhận thấy có sự vi phạm nghiêm trọngvề tố tụng, nội dung bản án là chưa hợp tình, hợp lý gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các ông, bà. Đề nghị Toà án cấp phúc thẩm giải quyếtchấp nhận yêu cầu kháng cáo của các ông, bà huỷ bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc buộc bị đơn Công ty cổ phần T phải có trách nhiệm thanh toán trả số tiền nợ gốc, lãi, lãi quá hạn làtính đến ngày 08-8-2023 là 25.465.983.353 đồng (*hai mươi lăm tỷ bốn trăm sáu mươi lăm triệu chín trăm tám mươi ba nghìn ba trăm lăm mươi ba đồng*) và tiếp tục trả lãi cho đến khi Công ty cổ phần T thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất quá hạn đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Trường hợp Công ty cổ phần T không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ, đề nghị Tòa án tuyên Ngân hàng thương mại cổ phần Q được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mại toàn bộ tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ vay.Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ, đề nghị Tòa án tuyên Công ty cổ phần T phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.Người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trương Hải Ng và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp ông Phạm Thanh S vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày tại Toà án cấp sơ thẩm, yêu cầu kháng cáo, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩmcủa Toà án nhân dân thành phố Nam Định do bản án có sự vi phạm nghiêm trọng về tố tụng, nội dung bản án là chưa hợp tình, hợp lýgây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ông Lê Duy Th1, vợ chồng Ông Hoàng Minh Ch và bà Ngô Thị H, vợ chồng Ông Nguyễn Văn Tr và bà Nguyễn Thị Th2, vợ chồng ông Đinh Tất L và bà Nguyễn Thị Huệ, bà Phạm Thị Th. Các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu quan điểm: Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân theo các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm.

Về nội dung: Căn cứ vào việc ký kết Hợp đồng tín dụng số 10.11.11.211 ngày 03-11-2011 và các Khế ước nhận nợ số 10.11.11.211.01 ngày 08-11-2011, số 10.11.11.211.02 ngày 11-11-2011, số 10.11.11.211.03 ngày 18-11-2011, số 10.11.11.211.04 ngày 29-11-2011, số 10.11.11.211.05 ngày 08-12-2011, số 10.11.11.211.06 ngày 16-01-2012, số 10.11.11.211.06 ngày 18-01-2012 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Q và Công ty cổ phần T là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ các Điều 318, 320, 323, 342, 343, 344, 715, 721 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụngthì hợp đồng hai bên ký kết được xác định là hợp đồng tín dụng. Do Công ty cổ phần Tđã vi phạm hợp đồng tín dụngđã ký kết giữa 2 bên, không thực hiện đúng nghĩa vụ cam kết, không trả nợ gốc, lãi đúng theo thỏa thuận đến hạn nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Qkhởi kiệnCông ty cổ phần T là có căn cứ chấp nhận.Trong trường hợp Công ty cổ phần T không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ, đề nghị Tòa án tuyên Ngân hàng thương mại cổ phần Q được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mại toàn bộ tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ vay.Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ, đề nghị Tòa án tuyên Công ty cổ phần T phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS năm 2015 không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ông Lê Duy Th1, vợ chồng Ông Hoàng Minh Ch và bà Ngô Thị H, vợ chồng Ông Nguyễn Văn Tr và bà Nguyễn Thị Th2, vợ chồng ông Đinh Tất L và bà Nguyễn Thị Huệ, bà Phạm Thị Thgiữ nguyên bản án sơ thẩm. Về án phí đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét đơn kháng cáo của Ông Lê Duy Th1, vợ chồng Ông Hoàng Minh Ch và bà Ngô Thị H, vợ chồng Ông Nguyễn Văn Tr và bà Nguyễn Thị Th2, vợ chồng ông Đinh Tất L và bà Nguyễn Thị Huệ, bà Phạm Thị Thlàm trong thời hạn luật định phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 272; khoản 1 Điều 273; Điều 276 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết.

[2] Về tố tụng: Những người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần T là ông Hoàng Văn Th đã chết, các cổ đông sáng lập ông Hoàng Văn Dũng, ông Nguyễn Trường Phi, ông Bùi Tuấn Phong, bà Phạm Thị Hoa, ông Trịnh Đức Diện, ông Phạm Văn Lợi kết quả xác minh cho thấy không có họ tên và số chứng minh nhân dân của những cổ đông trên tại địa phương nên không thể đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần T. Các cổ đông sáng lập ông Lưu Trọng H, ông Phạm Trọng Ph, ông Hoàng Văn Th, ông Lê Anh K, người đại diện tham gia tố tụngCông ty cổ phần T1, ông Hoàng Văn Th, bà Trần Thị H, ông Bùi Văn Anh T, Bà Bùi Thị L vắng mặt lần 2 không có lý do, họ không có kháng cáo; Các cổ đông sáng lập gồm: ông Nguyễn Văn T, ông Lê Văn Ph, ông Phạm Văn Q, ông Đinh Mai H, ông Phan Tiến Hcó đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại Toà án các cấp, họ không có kháng cáo. Ông Hoàng Minh Ch đã có văn bản ủy quyền cho ông Nguyễn Trương Hải Ngnên việc xét xử vắng mặt họ không ảnh hưởng gì đến quyền và lợi ích hợp pháp của họ. Vì vậy, căn cứ Khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ.

[3] Về quan hệ pháp luật:Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Q yêu cầu Công ty cổ phần T trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q theo Hợp đồng tín dụng số 10.11.11.211 ngày 03-11-2011. Căn cứ nội dung hợp đồng Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã xác định tranh chấp giữa các bênlà tranh chấp giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận nên được xác định là tranh chấp Kinh doanh thương mạivề Hợp đồng tín dụng theo khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự là hoàn toàn đúng pháp luật.

[4] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án:Bị đơn là Công ty cổ phần T có địa chỉ trụ sở tại số 20 Đ (nay là 398 Đ), phường Lộc Hòa, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định. Theo qui định tại khoản Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân thành phố Nam Định thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[5] Xét kháng cáo của Ông Lê Duy Th1, vợ chồng Ông Hoàng Minh Ch và bà Ngô Thị H, vợ chồng Ông Nguyễn Văn Tr và bà Nguyễn Thị Th2, vợ chồng ông Đinh Tất L và bà Nguyễn Thị Huệ, bà Phạm Thị Th đề nghị Toà án cấp phúc thẩm giải quyết chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các ông, bà huỷ bản án sơ thẩmthấy rằng:Về hình thức và nội dung của hợp đồng tín dụng, theo Hợp đồng tín dụng số 10.11.11.211 ngày 03-11-2011 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Q và Công ty cổ phần T thì Ngân hàng thương mại cổ phần Q đã tiến hành giải ngân cho Công ty cổ phần T theo 7 khế ước nhận nợ. Tổng số tiền Công ty cổ phần T vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Q là 7.395.665.992 đồng. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh xây dựng; Thời hạn vay theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn mỗi khế ước nhận nợ tối đa 6 tháng; Về lãi suất: Áp dụng lãi suất

thả nổi, xác định tại từng thời điểm giải ngân theo từng khế ước nhận nợ bằng lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh kỳ hạn tương ứng với kỳ hạn điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng thương mại cổ phần Q cộng biên độ theo quy định của Ngân hàng thương mại cổ phần Q tại từng thời điểm. Kỳ điều chỉnh lãi suất trên từng khế ước nhận nợ và/hoặc cách thức xác định lãi suất cho vay phải tuân thủ và chịu sự điều chỉnh theo đúng chính sách của Ngân hàng thương mại cổ phần Q tại từng thời kỳ; Thời hạn trả nợ gốc: Cuối kỳ theo từng khế ước nhận nợ. Thời hạn trả nợ lãi: Từ ngày 20 đến 25 hàng tháng; Lãi suất quá hạn: 150%/năm lãi suất trong hạn tại từng thời điểm quá hạn của từng khế ước. Xét thấy,các bên tiến hành giao kết hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện và đúng pháp luật, hình thức và nội dung của hợp đồng phù hợp với Điều 121, Điều 122, Điều 388. Điều 391, Điều 402, Điều 405, Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2005;về lãi suất các bên thỏa thuận phù hợp với Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 và đều do người đại diện hợp pháp của các bên ký và đóng dấu nên Hợp đồng tín dụng và có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành đối với các bên.

[6] Quá trình thực hiện hợp đồng và yêu cầu thanh toán nợ:Sau khi ký kết hợp đồng Ngân hàng thương mại cổ phần Q đã giải ngân tổng số tiền 7.395.665.992 đồng cho Công ty cổ phần T theo 7 Khế ước nhận nợ. Quá trình vay vốn, Công ty cổ phần T mới chỉ thanh toán số tiền gốc là 773.973.515 vào ngày 21-6-2012 và 412.482.497 đồng vào ngày 21-11-2012 của khế ước số 10.11.11.211.01 ngày 08-11-2011. Đồng thời số tiền lãi trong hạn của 7 khế ước thì Công ty cổ phần T mới thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q là 343.280.114 đồng. Mặc dù, sau đó Công ty cổ phần T đã được Ngân hàng thương mại cổ phần Q áp dụng các biện pháp tháo gỡ khó khăn, tuy nhiên Công ty cổ phần T vẫn không dùng các nguồn vốn hợp pháp để trả nợ cả gốc và lãi đối với các khế ước nhận nợ cũng không bổ sung tài sản hợp pháp nào khác. Như vậy, Công ty cổ phần T đã vi phạm Điều 3 của Hợp đồng tín dụng 10.11.11.211 ngày 03-11-2011và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Căn cứ bảng kê dư nợ khoản vay của Công ty cổ phần T do Ngân hàng thương mại cổ phần Q tính đến ngày 08-8-2023thì Công ty cổ phần T phải thanh toán số tiền là 25.465.983.353 đồng (*Hai mươi lăm tỷ bốn trăm sáu mươi lăm triệu chín trăm tám mươi ba nghìn ba trăm lăm mươi ba đồng*), trong đó bao gồm: Nợ gốc là 6.209.210.180 đồng, nợ lãi trong hạn là: 423.043.661 đồng, nợ lãi quá hạn là: 18.833.729.512 đồng. Vì vậy, yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần Q là có cơ sở chấp nhận.Ngoài ra, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm là ngày 09-8-2023, Công ty cổ phần T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa

thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 10.11.11.211 ngày 03-11-2011 cho đến ngày Công ty cổ phần T trả hết nợ.

[7] Về xử lý tài sản thế chấp: Theo Hợp đồng thế chấp ngày 16-9-2010 giữa bên thế chấp là bà Phạm Thị Th, bên nhận thế chấp là Ngân hàng thương mại cổ phần Q và bên vay là Công ty cổ phần T do ông Hoàng Văn Th là chủ tịch Hội đồng quản trị. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc thửa đất số 52, tờ bản đồ số 23.3 tại địa chỉ xóm 1, M, xã X, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định (nay là địa chỉ 17/8/658 L, phường Th, thành phố Nam Định) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 084507 do UBND thành phố Nam Định cấp ngày 25-07-2007 cho bà Phạm Thị Th.Theo Hợp đồng thế chấp ngày 16-9-2010 giữa bên thế chấp là Ông Lê Duy Th1, bên nhận thế chấp là Ngân hàng thương mại cổ phần Q và bên vay là Công ty cổ phần T do ông Hoàng Văn Th là chủ tịch Hội đồng quản trị. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc thửa đất số 27, tờ bản đồ số 1 – II tại địa chỉ xã T, huyện B, tỉnh Nam Định theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 280834 do UBND huyện B, tỉnh Nam Định cấp ngày 30-03-2006 cho Ông Lê Duy Th1.Theo Hợp đồng thế chấp ngày 22-02-2011 giữa bên thế chấp là ông Đinh Tất L và bà Nguyễn Thị Huệ, bên nhận thế chấp là Ngân hàng thương mại cổ phần Q và bên vay là Công ty cổ phần T do ông Hoàng Văn Th là chủ tịch Hội đồng quản trị. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc thửa đất số 247, tờ bản đồ số 23.1 tại địa chỉ xóm 1, M, xã X, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định (nay là địa chỉ 58/608 L, phường Th, thành phố Nam Định) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 819569 do UBND thành phố Nam Định cấp ngày 24-09-2007 cho ông Đinh Tất L và bà Nguyễn Thị Huệ.Theo Hợp đồng thế chấp ngày 22-02-2011 giữa bên thế chấp là Ông Hoàng Minh Ch và bà Ngô Thị H, bên nhận thế chấp là Ngân hàng thương mại cổ phần Q và bên vay là Công ty cổ phần T do ông Hoàng Văn Th là chủ tịch Hội đồng quản trị. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc thửa đất số 07(2), tờ bản đồ số 04 tại địa chỉ Số 29 ngõ 1 tổ 2, phường Đ, quận G, thành phố N (nay là địa chỉ số 21, ngõ 269, Lạc Long Quân, phường Đ, quận G, thành phố N) theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10113010482, hồ sơ gốc số 4905.2000.QĐUB/19197.2000, do UBND Thành phố N cấp ngày 21-09-2000 cho Ông Hoàng Minh Ch và bà Ngô Thị H.Theo Hợp đồng thế chấp ngày 22-02-2011 giữa bên thế chấp là Ông Nguyễn Văn Tr và bà Nguyễn Thị Th2, bên nhận thế chấp là Ngân hàng thương mại cổ phần Q và bên vay là Công ty cổ phần T do ông Hoàng Văn Th là chủ tịch Hội đồng quản trị. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc thửa đất số 397, tờ bản đồ số 12 tại địa chỉ miền Lê Hồng Phong, phường X, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định (nay là

địa chỉ 3E khu L1, phường X, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 631348 do UBND thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định cấp ngày 29-10-2010 cho Ông Nguyễn Văn Tr và bà Nguyễn Thị Th2.

[8]Xét thấy, các Hợp đồng thế chấp tài sản trên đều được lập thành văn bản, được công chứng hợp lệ và đã đăng ký giao dịch bảo đảm đối với tài sản thế chấp theo quy định của Điều 318, Điều 320, Điều 323, Điều 342, Điều 343, Điều 344, Điều 715, Điều 721 Bộ luật Dân sự năm 2005. Do đó, các Hợp đồng thế chấp tài sản là hợp pháp và có giá trị bắt buộc thực hiện giữa các bên. Về nội dung: Các hợp đồng đều xác định nghĩa vụ được bảo đảm bao gồm: tiền vay (nợ gốc), lãi vay, lãi quá hạn, chi phí xử lý tài sản thế chấp các khoản chi phí khác theo các Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng bảo lãnh, LC, Phụ lục Hợp đồng và các nghĩa vụ khác của Bên vay (Công ty cổ phần T) tại Ngân hàng thương mại cổ phần Q được ký giữa hai bên trong khoảng thời gian từ ngày 15-9-2010 đến ngày 15-9-2020. Tài sản thế chấp bao gồm Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã được cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật cùng toàn bộ vật phụ, trang thiết bị kèm theo và phần giá trị công trình, diện tích cải tạo, đầu tư xây dựng thêm gắn liền với diện tích nhà đất đã thế chấp cũng đều thuộc tài sản thế chấp. Bên thế chấp xác định tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của bên thế chấp, không có tranh chấp về ranh giới, mốc giới với các hộ liền kề. Do Công ty cổ phần T không thanh toán nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký nên Ngân hàng thương mại cổ phần Q yêu cầu phát mại các tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ. Xét yêu cầu này là hợp pháp, đúng theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do Công ty cổ phần T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Công ty cổ phần T phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ với số tiền là 38.750.000 đồng. Ngân hàng thương mại cổ phần Q không phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Do Ngân hàng thương mại cổ phần Q đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nên Công ty cổ phần T phải hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q số tiền 38.750.000 đồng *(ba mươi tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).*

[10]Qua những phân tích nêu trên đã cho thấy những kết luận trong bản án sơ thẩm là hoàn toàn phù hợp với những quy định của pháp luật, quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự được pháp luật bảo vệ không bị xâm hại. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đúng các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm Người đại diện theo uỷ quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ông Hoàng Minh Ch và bà Ngô Thị H; Ông Lê Duy Th1; Ông

Nguyễn Văn Tr và bà Nguyễn Thị Th2; ông Đinh Tất L và bà Nguyễn Thị Huệ; bà Phạm Thị Thcũng không đưa ra được các chứng cứ và lý lẽ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của ông Châu, bà Hồi, ông Thống, ông Triển, ông Lên, bà Huệ, bà Nguyễn Thị Th2, bà Phạm Thị Thlà có căn cứ và hợp pháp. Vì vậy yêu cầu kháng cáo của ông Châu, bà Hồi, ông Thống, ông Triển, ông Lên, bà Huệ, bà Nguyễn Thị Th2, bà Phạm Thị Thkhông được chấp nhận cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[11]Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của ông Châu, bà Hồi, ông Thống, ông Triển, ông Lên, bà Huệ, bà Nguyễn Thị Th2, bà Phạm Thị Thkhông được chấp nhận nên cần buộc ông Châu, bà Hồi, ông Thống, ông Triển, ông Lên, bà Huệ, bà Nguyễn Thị Th2, bà Phạm Thị Thphải nộp án phí dân sự phúc thẩm nhưng trong vụ án này ông Châu, bà Hồi, ông Triển, ông Lên, bà Huệ, bà Nguyễn Thị Th2, bà Phạm Thị Th đều là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì ông Châu, bà Hồi, ông Triển, ông Lên, bà Huệ, bà Nguyễn Thị Th2, bà Phạm Thị Th đều được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.Số tiền ông Thốngđã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 2.000.000 đồng theo các biên lai thu tiền số 0000346ngày 18-9-2023tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định sẽ được đối trừ vào số tiền án phí phúc thẩm ông Thốngphải nộp. Ông Thốngđã nộp xong án phí phúc thẩm.

[12] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Căn cứvào Điều 121, Điều 122, Điều 318, Điều 320, Điều 323, Điều 342, Điều 343, Điều 344, Điều 388. Điều 391, Điều 402, Điều 405, Điều 471,Điều 474, Điều 715, Điều 721 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điểm a Khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;khoản 1 Điều 30, Điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147,Điều 148, khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Giữ nguyên Quyết định bản án sơ thẩm số 06/2023/KDTM-ST ngày 08-8-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí cho vợ chồng Ông Hoàng Minh Ch và bà Ngô Thị H; vợ chồng Ông Nguyễn Văn Tr và bà Nguyễn Thị Th2; vợ chồng ông Đinh Tất L và bà Nguyễn Thị Huệ; bà Phạm Thị Th.

Buộc Ông Lê Duy Th1phải nộp 2.000.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm đã nộp là 2.000.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0000346 ngày 18-9-2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định. Ông Thốngđã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự nguyên đơn, người phải thi hành án dân sự bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ ThịThuNguyễn Tiến Dũng **Lại Văn Tùng**

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND thành phố Nam Định;
- Chi cục THADS thành phố Nam Định;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lại Văn Tùng